

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2025/DS-PT

Ngày 26 và ngày 28/5/2025

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế; yêu cầu hủy*

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 26, 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 694/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 “*Tranh chấp về thừa kế; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, do có kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Tạ Thị H, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số nhà F, ngách A, đường Đ, thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Kim T và Luật sư Trần Thùy A - Văn phòng L2, Đoàn luật sư thành phố H; Luật sư T có mặt, Luật sư A vắng mặt.

*** Bị đơn:** Ông Tạ Xuân Đ, (đã chết ngày 12/6/2024);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ:

1. Bà Ngô Thị Mai P, sinh năm 1964; có mặt.

2. Chị Tạ Minh N, sinh năm 1990; có mặt.

3. Chị Tạ Hương D, sinh năm 1995; có mặt.

Cùng địa chỉ: Số nhà A, ngách A, đường Đ, xóm N, thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Ngô Thị Mai P: Luật sư Ngô Thế T1 và Luật sư Đỗ Thị Thu H1 - Công ty L3, Đoàn luật sư thành phố H; Luật sư T1 có mặt; Luật sư H1 vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.
2. Bà Tạ Kim T2, sinh năm 1940; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.
3. Bà Tạ Thị Minh H2, sinh năm 1945; địa chỉ: Số nhà C phố M, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.
4. Bà Tạ Thị Y, sinh năm 1947; địa chỉ: Số nhà A ngõ A đường Đ, xóm Giềng, thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.
5. Bà Tạ Thu P1, sinh năm 1950; địa chỉ: Số nhà B, ngách A, đường Đ, xóm N, thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

6. Bà Tạ Thị Đ1 (đã chết năm 1987);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ1:

6.1 Ông Trần Văn M, sinh năm 1951; vắng mặt.

6.2 Chị Trần Thị V, sinh năm 1980; vắng mặt.

6.3 Chị Trần Thị H3, sinh năm 1983; có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn S, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M, chị V, chị H3: Bà Tạ Thị H, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số nhà F, ngách A, đường Đ, thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội (là nguyên đơn trong vụ án); có mặt.

7. Bà Tạ Thị H4, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà D xóm M, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

8. Bà Tạ Thị C, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà D, dãy A 15 TDP cơ khí Y, huyện G, thành phố Hà Nội; có mặt.

9. Bà Tạ Thị Thanh M1, sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà A, ngách A đường Đ, xóm G, thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

10. Bà Ngô Thị Mai P, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà A, ngách A, đường Đ, xóm N, thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Mai P: Chị Tạ Minh N, sinh năm 1990 và chị Tạ Hương D, sinh năm 1995; cùng địa chỉ: Số nhà F, ngách A, đường Đ, xóm N, thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

11. Chị Tạ Minh N, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà F, ngách A, đường Đ, xóm N, thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

12. Chị Tạ Hương D, sinh năm 1995; địa chỉ: Số nhà F, ngách A, đường Đ, xóm N, thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tạ Thị H trình bày:*

- Về quan hệ huyết thống: Bố của bà là cụ Tạ Sinh H5 (sinh năm 1922, chết năm 1994), bố của bà có hai người vợ: vợ cả cụ Phạm Thị C1 (sinh năm 1918, chết ngày 24/01/2014), vợ hai là cụ Phạm Thị M2 (sinh năm 1924, chết năm 1980). Cụ C1 và cụ M2 là hai chị em ruột. Bố của cụ H5 là cụ Tạ Sinh H6, không rõ năm sinh, chết ngày 21/7/1937 (có ảnh bia mộ), mẹ của cụ H5 là cụ Chử Thị Đ2, không rõ năm sinh, chết ngày 02/4/1979 (có ảnh bia mộ); bố của cụ và cụ M2 là cụ Phạm Văn L, không rõ năm sinh, chết ngày 28/5/1948 (có mộ nhưng không có bia ghi – theo quyền gia phả do bà H nộp cụ L chết 28/5/1948), mẹ của cụ C1 và cụ M2 là cụ Ngô Thị N1, không rõ năm sinh, chết ngày 05/6/1955 (ảnh bia mộ không ghi năm nhưng theo quyền gia phả do bà H nộp ghi cụ N1 chết ngày 05/6/1955).

Sinh thời, giữa cụ H5 và cụ C1 sinh được 6 người con là:

1. Bà Tạ Kim T2, sinh năm 1940;
2. Bà Tạ Minh H2, sinh năm 1945;
3. Bà Tạ Thu P1, sinh năm 1950;
4. Bà Tạ Thị H, sinh năm 1959;
5. Ông Tạ Sinh N2 (Không rõ năm sinh, chết lúc khoảng 6 tuổi).
6. Ông Tạ Sinh M3 (Không rõ năm sinh, chết lúc khoảng 1 tuổi).

Giữa cụ H5 và cụ M2 sinh được 7 người con là:

1. Bà Tạ Thị Y, sinh năm 1947;
2. Bà Tạ Thị Đ1, sinh năm 1954 (chết năm 1987, có chồng ông Trần Văn M, sinh năm 1951, có 02 con là Trần Thị V, sinh năm 1980, Trần Thị H3, sinh năm 1983).
3. Bà Tạ Thị H4, sinh năm 1958;
4. Ông Tạ Xuân Đ, sinh năm 1961;
5. Bà Tạ Thị C, sinh năm 1964;
6. Bà Tạ Thị Thanh M1, sinh năm 1969.
7. Bà Tạ Thị L1 (không rõ năm sinh, chết lúc khoảng 2 tuổi).

Ngoài những người con trên thì cụ H5, cụ C1 và cụ M không có người con đẻ hay con nuôi nào khác.

Về di sản thừa kế: Thừa đất số 25, tờ bản đồ số 29 diện tích 810 m² (đo thực tế 816 m²) tại Số nhà A, ngách A, đường Đ, xóm N, thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội có nguồn gốc là của các cụ để lại cho bố mẹ của bà là cụ H5, cụ C1, cụ M. Cụ H5, cụ C1, cụ M khi chết đều không để lại di chúc. Bà cùng với các chị em và ông Đ đều được sinh ra trên thửa đất này, khi lớn lên được bố mẹ dựng vợ, gả chồng, Bà cũng như các chị em gái khác đều về nhà chồng sinh sống, còn ông Đ là con trai sau khi lập gia đình thì cùng vợ con sinh sống trên đất này cho đến

nay. Tuy nhiên, bố mẹ bà chưa bao giờ bàn giao đất này cho ai.

Trên thửa đất trước đây có 05 gian nhà cấp 4, nhà bếp và công trình phụ, 01 công cở, 01 nhà cấp 4 cũ, 02 bể nước một to, một nhỏ, một bức tường ngăn đường công cộng và nhà ở, 01 sân gạch đều được bố mẹ các cụ xây dựng để lại cho cụ H5, cụ C1 và cụ M, các cụ không có tài sản gì trên đất, sau này do xuống cấp nên gia đình ông Đ đã sửa chữa nhà 5 gian cấp 4 làm nhà thờ, các công trình khác cũng do cũ nát và xuống cấp nên gia đình ông Đ sửa sang lại để sử dụng, đồng thời gia đình ông Đ có xây thêm căn nhà 2,5 tầng trên đất. Việc sửa chữa do gia đình ông Đ làm, chị em bà không có đóng góp gì về tiền bạc, về công sức thì có sang làm giúp nhưng bà cùng với các chị em gái đứng về phía bà không có yêu cầu gì về phần tài sản trên đất.

Về quyền sử dụng thửa đất trên, trước đây bà cùng các chị em gái khác và ông Đ có bàn bạc, thống nhất là bán đi một phần đất để tu sửa lại nhà thờ làm nơi thờ cúng của bố mẹ cho khang trang, đồng thời chia cho các chị em gái mỗi người một ít coi như là lộc của cha mẹ để lại, còn lại thì gia đình ông Đ quản lý sử dụng. Ông Đại đồng Ý và để hoàn thiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sau này có căn cứ để chuyển nhượng một phần đất như trên thì ông Đ có đi đến từng nhà các chị em gái để xin ký vào “Biên bản Thỏa thuận về việc phân chia quyền sử dụng đất và tài sản trên đất” ngày 10/10/2016. Tuy nhiên, thực tế có đến 2 Biên bản thỏa thuận về việc phân chia quyền sử dụng đất cùng ngày là ngày 10/10/2016 nhưng những người ký lại khác nhau và không đủ chữ ký của tất cả các anh chị em. Sau đó, ông Đ kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với toàn bộ thửa đất trên ngày 01/3/2018 mang tên chủ sử dụng là ông Tạ Xuân Đ. Tuy nhiên, sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình ông Đ không đồng ý chia đất cho chị em bà như đã cam kết trước đây. Hơn nữa, đến ngày giỗ tết bố mẹ thì bà và các chị em có đến nhà thờ trên thửa đất trên để làm giỗ cho bố mẹ bà nhưng gia đình ông Đ khóa cửa cổng, không cho vào nhà.

Do vậy, bà yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 281286 ngày 01/3/2018 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Tạ Xuân Đ; đồng thời chia thừa kế theo pháp luật đối với 816m² đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Ngoài diện tích đất ở trên thì tại đơn khởi kiện bà H còn yêu cầu chia thừa Mảo để lại kế theo pháp luật đối với 40m² đất nông nghiệp do tại khu M, thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, ngày 16/3/2023 bà đã nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần diện tích đất nông nghiệp nêu trên.

** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Tạ Xuân Đ là bà Ngô Thị Mai P, chị Tạ Minh N và chị Tạ Hương D trình bày:*

Về quan hệ gia đình và huyết thống: Đồng ý với trình bày của bà Tạ Thị H.

- Về đất ở: Đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 29 diện tích 816m² tại thôn

H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội có nguồn gốc không phải do các cụ nhiều đời để lại cho cụ H5, cụ C1 và cụ M vì trước đây mặc dù các cụ được Nhà nước cấp cho vị trí thửa đất trên nhưng diện tích nhỏ chỉ khoảng 50m² nhưng do thực hiện cải cách ruộng đất nên chính quyền đã tịch thu. Sau đó chính quyền có chính sách trả lại đất thì ông Đ là người kê khai để nhận lại đất, còn bố ông Đ mặc dù ở trên đất từ trước nhưng không dám kê khai nên chỉ có ông Đ mới có tên trong sổ mục kê, sổ địa chính và là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất trên.

Khi ông Đ kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đất không phải của Nhà nước cấp nên khi xác định nguồn gốc đất theo sự tư vấn của cán bộ địa chính thì ông Đ đã kê khai nguồn gốc đất của cha ông để lại để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ quan Nhà nước thấy ghi là đất của cha ông nên có yêu cầu những người con của bố mẹ ông Đ phải có ý kiến do đó mới có “Biên bản Thỏa thuận về việc phân chia quyền sử dụng đất và tài sản trên đất” ngày 10/10/2016. Ngày 01/3/2018 ông Tạ Xuân Đ được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 810m² đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 29.

Quá trình sử dụng đất, đối với các tài sản trên đất do các cụ xây dựng từ trước để lại như 05 gian nhà cấp 4, nhà bếp và công trình phụ, 01 cổng cỏ, 01 nhà cấp 4 cũ, 02 bể nước một to một nhỏ, một bức tường ngăn đường công cộng và nhà ở, 01 sân gạch, gia đình ông Đ đã tôn tạo, sửa chữa, đồng thời xây mới 1 căn nhà 2,5 tầng trên đất làm nơi ở của gia đình. Việc sửa chữa tôn tạo đất và tài sản trên đất bà H và các chị em gái khác không có đóng góp gì.

Nay bà Tạ Thị H khởi kiện đối với ông Tạ Xuân Đ đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 281286 ngày 01/3/2018 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Tạ Xuân Đ; đồng thời chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội thì phía bị đơn không đồng ý vì thửa đất trên không phải là di sản thừa kế của cụ H5, cụ C1 và cụ M để lại; hơn nữa để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên thì gia đình ông Đ phải đóng thêm 385.560.000 đồng nên khi giải quyết vụ án đề nghị Tòa án xem xét toàn diện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Đ.

Đối với việc bà Tạ Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia thừa kế đối với 40m² đất nông nghiệp do cụ H5, cụ C1 và cụ M tại khu M, thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội thì bị đơn hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn gồm: Bà Tạ Kim T2, bà Tạ Thị Minh H2, bà Tạ Thị Y, bà Tạ Thu P1, bà Tạ Thị H4, bà Tạ Thị Thanh M1, ông Trần Văn M, chị Trần Thị H3, chị Trần Thị V trình bày: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị H, ngoài ra không có ý kiến bổ sung gì khác.*

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn ông*

Tạ Xuân Đ gồm: Bà Ngô Thị Mai P, chị Tạ Minh N, chị Tạ Hương D: Có cùng ý kiến như đã trình bày ở phần người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tạ Xuân Đ đã trình bày, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ vắng mặt nhưng có lời khai trình bày: Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 29 diện tích 810m² đất tọa lạc tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội cho ông Tạ Xuân Đ được thực hiện theo quy định của pháp luật; đồng thời cung cấp cho Tòa án toàn bộ hồ sơ lưu trữ và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất liên quan đến thửa đất. Đối với tranh chấp giữa các đương sự đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 34, 35, 37, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 612; Điều 613; Điều 649; Điều 650; Điều 651 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế, huỷ Giấy chứng nhận QSD đất của bà Tạ Thị H đối với ông Tạ Xuân Đ.

- Xác định diện tích 816m² đất ở trị giá 17.919.360.000 đồng tại thửa số 25, tờ bản đồ số 29 tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của cụ Tạ Sinh H5, cụ Phạm Thị C1 và cụ Phạm Thị M2.

- Chia cho các bà Tạ Kim T2, bà Tạ Minh H2, bà Tạ Thu P1, bà Tạ Thị H, bà Tạ Thị Y, bà Tạ Thị H4, bà Tạ Thị Thanh M1, bà Tạ Thị C, chị Trần Thị H3, chị Trần Thị V được 142,8m² trị giá 3.135.888.000 (Bằng chữ: Ba tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn đồng), trong đó xác định được sử dụng chung 134,4 m² trong tổng số 816m² tại thửa đất số 25 tờ bản đồ 29 tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội giới hạn bởi các điểm 1,2,B1,A1,1 (Có sơ đồ kèm theo) và được thanh toán giá trị bằng tiền phần diện tích đất 8,4m² được giới hạn bởi các điểm A,A1,B1,B,A (Có sơ đồ kèm theo) bằng giá Hội đồng định giá là: 8.4m² x 21.960.000 đồng = 184.464.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

- Chia cho bà Ngô Thị Mai P được 272m² + 136,54m² = 408,54m², chị Tạ Minh N, chị Tạ Hương D mỗi người được chia 136,53m² trong tổng 816m² đất tại thửa đất số 25 tờ bản đồ 29 tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P, chị N và chị D cùng sử dụng chung 681,6m² trong tổng 816m² đất và tài sản gắn liền với đất giới hạn bởi các điểm A1, B1, 2, 3, 4, c, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, A, A1 (Có sơ đồ kèm theo).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 281286 do UBND huyện Đ cấp ngày 01/3/2018 cho ông Tạ Xuân Đ.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện chia thừa kế 40m² đất nông nghiệp tại khu M tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Tương ứng với quyền lợi được hưởng, các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm thanh toán: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ là bà Ngô Thị Mai P, chị Tạm Minh N3, chị Tạ Hương D phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 184.464.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) cho các bà Tạ Kim T2, bà Tạ Minh H2, bà Tạ Thu P1, bà Tạ Thị H, bà Tạ Thị Y, bà Tạ Thị H4, bà Tạ Thị Thanh M1, bà Tạ Thị C, chị Trần Thị V, chị Trần Thị H3.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/9/2024, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà Ngô Thị Mai P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) là bà Ngô Thị Mai P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; cùng thống nhất quan điểm với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P, theo đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm theo hướng: Không chia thừa kế đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 29, diện tích 816m², địa chỉ tại số nhà A, ngách A, đường Đ, xóm N, thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội; xác định toàn bộ thửa đất số 25 nêu trên thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Tạ Xuân Đ, không phải là di sản thừa kế của cụ Tạ Sinh H5, cụ Phạm Thị C1 và cụ Phạm Thị M2; đề nghị công nhận Văn bản thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 10/10/2016.

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cùng thống nhất quan điểm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị Mai P, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đứng về phía nguyên đơn) có mặt tại phiên tòa đều nhất trí đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung đơn phù hợp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Nghị quyết số 326/2016 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Ngô Thị Mai P; hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà Ngô Thị Mai P nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết, là đúng pháp luật.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt hoặc có văn bản ủy quyền hợp lệ. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228; Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà Ngô Thị Mai P, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Các đương sự đều khai thống nhất cụ Tạ Sinh H5 (sinh năm 1922, chết ngày 13/6/1994) có 02 vợ, vợ cả là cụ Phạm Thị C1 (sinh năm 1918, chết ngày 25/01/2014), vợ hai là cụ Phạm Thị M2 (sinh năm 1924, chết ngày 02/4/1980). Cụ C1 và cụ M2 là hai chị em ruột.

Sinh thời, giữa cụ H5 và cụ C1 sinh được 6 người con là: Bà Tạ Kim T2, sinh năm 1940; bà Tạ Minh H2, sinh năm 1945; bà Tạ Thu P1, sinh năm 1950; bà Tạ Thị H, sinh năm 1959; ông Tạ Sinh N2 (không rõ năm sinh, chết lúc khoảng 6 tuổi); ông Tạ Sinh M3 (không rõ năm sinh, chết lúc khoảng 1 tuổi).

Giữa cụ H5 và cụ M2 sinh được 7 người con là: Bà Tạ Thị Y, sinh năm 1947; Bà Tạ Thị Đ1, sinh năm 1954 (chết năm 1987, có chồng ông Trần Văn M, sinh năm 1951, có 02 con là Trần Thị V, sinh năm 1980, Trần Thị H3, sinh năm 1983); Bà Tạ Thị H4, sinh năm 1958; Ông Tạ Xuân Đ, sinh năm 1961; Bà Tạ Thị C, sinh năm 1964; Bà Tạ Thị Thanh M1, sinh năm 1969; Bà Tạ Thị L1 (không rõ năm sinh, chết lúc khoảng 2 tuổi).

Như vậy, cụ C1 chết năm 2014 nên hàng thừa kế thứ nhất của cụ là con đẻ bao gồm bà T2, bà H2, bà P1, bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất xác định sau khi cụ M chết, phần lớn các con của cụ M đã trưởng thành và không sống cùng cụ C1 nên không có việc cụ C1 chăm sóc nuôi dưỡng các con của cụ M như con đẻ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ

C1 là 10 người con (bao gồm cả các con của cụ M là không đúng). Do đó, dẫn đến việc phân chia phần di sản của các cụ để lại không đúng.

[2.2] Về di sản thừa kế: Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 29 diện tích 810m² (đo thực tế 816m²); 05 gian nhà cấp 4, nhà bếp và công trình phụ, 01 công cỏ, 01 nhà cấp 4 cũ, 02 bể nước một to, một nhỏ, một bức tường ngăn đường công cộng và nhà ở, 01 sân gạch; tại số nhà A, ngách A, đường Đ, xóm N, thôn H, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội có nguồn gốc là của các cụ để lại cho bố mẹ của bà là cụ H5, cụ C1, cụ M. Gia đình ông Đ đang quản lý di sản. Cụ H5, cụ C1, cụ M khi chết đều không để lại di chúc.

[2.3] Ngày 01/3/2018, Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên mang tên ông Tạ Xuân Đ trên cơ sở có Văn bản thỏa thuận về việc phân chia quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 10/10/2016. Tuy nhiên, văn bản này chỉ có chữ ký của 06 người con của các cụ là: bà H2, bà Y, bà P1, bà H, ông Đ, bà C và vợ con của ông Đ. Trong khi đó, thời điểm ký văn bản thỏa thuận trên 09 người con của các cụ còn sống, bà Đ1 đã chết nhưng có người kế thừa quyền và nghĩa vụ. Như vậy, có 04 người con không ký vào văn bản, không có lý do. Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân ông Tạ Xuân Đ là thiếu sót, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đồng thừa kế không ký vào văn bản thỏa thuận trên. Do đó, Tòa án sơ thẩm đã hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ.

Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ ý chí của những người ký vào Văn bản thỏa thuận về việc phân chia quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 10/10/2016 là đã cho hay chưa cho ông Đ; cũng như những người không ý vào Văn bản thỏa thuận về việc phân chia quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có biết việc cho, hay không cho; cũng như việc ông Đ kê khai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ. Nếu có căn cứ những người ký vào biên bản văn bản thỏa thuận về việc phân chia quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thể hiện ý chí là tặng cho ông Đ thì công nhận việc tặng cho.

[2.4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định cụ Phạm Thị M2 chết ngày 02/4/1980; phần di sản cụ Phạm Thị M2 hết thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế được giao cho bà Ngô Thị Mai P - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tạ Xuân Đ trực tiếp quản lý tài sản là chưa có cơ sở. Bởi lẽ, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 2 và khoản 2 Điều 17 Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 20/8/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Mục I Phần Dân sự tại Công văn giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao có hướng dẫn: *“Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế; khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Thời hiệu thừa kế là 32 năm 06 tháng tính từ ngày 10/9/1990, tức đến ngày 10/3/2023 sẽ hết thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế).*

Như vậy, tính đến ngày 08/10/2020, bà Tạ Thị H mới gửi đơn khởi kiện cho Tòa án nhân dân huyện Đông Anh (có Giấy xác nhận đơn tại bút lục số 81). Do đó, xác định thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của cụ Phạm Thị M2 vẫn còn thời hiệu.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P, chị N3, chị D xác nhận tại cấp sơ thẩm không yêu cầu phân chia di sản của ông Đ nên Tòa án cấp sơ thẩm không có thẩm quyền phân chia phần di sản của các cụ mà ông Đ được hưởng cho vợ con ông Đ. Bản án sơ thẩm quyết định “Chia cho bà Ngô Thị Mai P được $272\text{m}^2 + 136,54\text{m}^2 = 408,54\text{m}^2$ chị Tạ Minh N, chị Tạ Hương D mỗi người được chia $136,53\text{m}^2$ trong tổng 816m^2 đất tại thửa đất số 25” là không đúng quy định, vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của các đương sự trong vụ án.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, để đảm quyền lợi cho các đương sự, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P; hủy bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà Ngô Thị Mai P; hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: Bà Ngô Thị Mai P không phải chịu án phí phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THAHC thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HSVA, P.HCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà